

Số: /QĐ-SNV

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc,
hợp đồng lao động Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH HẬU GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Căn cứ Luật
Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính
phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp
công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của
Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành
chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định tuyển dụng công chức, viên chức,
nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một
số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của
UBND tỉnh Hậu Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ
cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang;*

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động và số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động cho các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang năm 2023, như sau:

1. Biên chế công chức là **53** biên chế, trong đó:

a) Lãnh đạo và các Phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ

- Ban Giám đốc Sở: **03** biên chế.
- Văn phòng Sở: **09** biên chế.
- Phòng TCCB: **09** biên chế.
- Phòng XDCQ&CTTN: **06** biên chế.
- Phòng CCHC&VTLT: **05** biên chế.
- Thanh tra Sở: **04** biên chế.

b) Các Ban trực thuộc Sở

- Ban Thi đua - Khen thưởng: **08** biên chế.
- Ban Tôn giáo: **09** biên chế.

2. Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) của các cơ quan hành chính nhà nước là **05** biên chế.

Văn phòng Sở Nội vụ: **05** biên chế.

3. Số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) **14** biên chế.

Trung tâm Lưu trữ lịch sử: 14 biên chế.

4. Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) trong các đơn vị sự nghiệp công lập là **02** biên chế:

Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh: **02** biên chế.

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ có trách nhiệm: Theo thẩm quyền, thực hiện quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động được giao trong tổng số biên chế quy định tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Trí